TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2018/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 8 năm 2018
Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trịnh Văn Điệp
Bà Lê Tuyết Mai
- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 394/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 287/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị S N**, sinh năm 1978 (xin vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp RB, xã PL, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh **Dương Nhựt Đ**, sinh năm 1978 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp RB, xã PL, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/6/2018, nguyên đơn là chị Ngô Thị S N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Dương Nhựt Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường cự cải dẫn đến xô xát. Nhận thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau được 02 người con chung tên Dương Hữu N, sinh năm 2002 và Dương Hữu N, sinh năm 2003. Vợ chồng tự thỏa thuận về nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Dương Nhựt Đ: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với

anh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Dương Nhựt Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không lý do; Chị Ngô Thị S N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ, chị N theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Ngô Thị S N và anh Dương Nhựt Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn, có sự xác nhận của chính quyền địa phương. Theo quy định tại điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 18/01/2001 quy định: *"Nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001 mà không đăng ký kết hôn theo quy định thì vẫn được coi là hôn nhân hợp pháp đến ngày 01/01/2003. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng"*. Do đó, hôn nhân giữa chị N và anh Đ là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định của pháp luật. Nay chị N yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh Đ nên Tòa án không công nhận chị N và anh Đ là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau được 02 người con chung tên Dương Hữu N, sinh năm 2002 và Dương Hữu N, sinh năm 2003. Vợ chồng tự thỏa thuận về nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Ngô Thị S N và anh Dương Nhựt Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000 đồng, ngày 07/6/2018 chị N đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0008260 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TVT, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã PL, huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kiều Trang